Ngày soạn: 18/9/2020

Ngày dạy: 21/9/2020

**Môn: Tiếng Việt**

**Tiết : 19,20**

**BÀI 10: ê l ( 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái **ê, l** ; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ê, l** với các mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **ê**, âm **l**

- Biết viết trên bảng con các chữ **ê, l** và tiếng **lê**

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định | - HS hát tập thể |
|  |  |
| + GV gọi học viết bảng con các chữ đồ cổ, cố đô, đo đỏ. | - HS viết bài. |
| + GV cho học sinh nhận xét bài viết. |  |
| - Giới thiệu bài |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về âm **ê** và chữ ê; âm **l** và chữ **l.**  + GV ghi chữ **ê**, nói: **ê**  + GV ghi chữ **l**, nói: **l** (**lờ**) | - Lắng nghe  - 4-5 em, cả lớp : “**ê”**  - Cá nhân, cả lớp : **“lờ”** |
| + GV nhận xét, sửa lỗi phát âm cho HS |  |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1. Khám phá (10 phút)** | |
| **\* Dạy âm ê, l** |  |
| - GV đưa tranh quả lê lên bảng    - Đây là quả gì?  - GV chỉ tiếng **lê**  - GV nhận xét | - HS quan sát  - HS : Đây là quả lê  - HS nhận biết l**, ê**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **lê** |
| ***\* Phân tích*** |  |
| - GV viết bảng chữ **lê** và mô hình chữ **lê**  - GV chỉ tiếng **lê** và mô hình tiếng **lê**   |  |  | | --- | --- | | **lê** | | | **l** | **ê** |   - GV hỏi: Tiếng **lê** gồm những âm nào? | - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng **lê** gồm có âm **l** và âm **ê**. Âm **l** đứng trước và âm **ê** đứng sau. |
| ***\* Đánh vần.***  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : ***lê***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***l***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***ê***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***lê***.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***lờ-ê-lê*** | - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***lờ-ê-lê***  - Cả lớp đánh vần: ***lờ-ê-lê*** |
| ***\* Củng cố:***  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **lê** | - Chữ **l** và chữ **ê**  - Tiếng **lê**  - HS đánh vần, đọc trơn : ***lờ-ê-lê, lê*** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập (20 phút)** | |
| ***2.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm ê, tiếng nào có âm l (lờ)*** |  |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 22 (GV giơ sách mở trang 22 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có âm **l**. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có âm **l,** nói to tiếng có âm **e**. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có âm **e.** | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 22. |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV giải nghĩa từ khó: Bê là con bò con  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *bê, khế, lửa, trê, lúa, thợ lặn.*  - HS nói đồng thanh |
| *c. Tìm tiếng có âm l (lờ), ê.*  - GV làm mẫu:  + GV chỉ hình 3 gọi học sinh nói tên sự vật.  + GV chỉ hình 1 gọi học sinh nói tên con vật.  \* Trường hợp học sinh không phát hiện ra tiếng có âm ***l, ê*** thì GV phát âm thật chậm, kéo dài để giúp HS phát hiện ra. | - HS nói: **lửa** có âm ***l***  - HS nói: **bê** có âm ***ê*** |
| *d. Báo cáo kết quả.*  - GV chỉ từng hình mời học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | -HS báo cáo kết quả theo nhóm đôi |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm ê (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (ghế, kể, bế,...) |
| ***2.2. Tập đọc. (Bài tập 3)*** |  |
| ***a. Luyện đọc từ ngữ.*** |  |
| - GV hướng dẫn học sinh đọc từng từ dưới mỗi hình. | - HS đánh vần – đọc trơn |
| - GV kết hợp giải nghĩa từ:  + La là con vật cùng họ với lừa  + Lồ ô là loài tre to, mọc ở rừng thân thẳng, thành mỏng.  + Le le là một loài chim nước, hình dáng giống như vịt nhưng nhỏ hơn, mỏ nhọn.  + Đê là bờ (sông, biển) ngăn nước bảo vệ nhà cửa, đồng ruộng…  + Lê la là đi hết chỗ này, chỗ kia….trong bài là cậu bé bò lê la theo quả bóng hết chỗ này đến chỗ kia | - HS theo dõi |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh đọc | - HS đọc cá nhân |
| *\* Củng cố:* |  |  |
| + Các em vừa học 2 chữ mới là chữ gì?  - Y/c Hs ghép tiếng **lê**  - GV cùng HS nhận xét. | - Chữ **l** và chữ **ê**  - HS ghép bảng cài tiếng **lê** |
| **Tiết 2** | |
| ***3.2. Tập đọc (Tiếp theo)*** |  |
| ***b. Giáo viên đọc mẫu***:  - GV đọc mẫu 1 lần : ***la, lá, lồ ô, le le, dế, dê, đê, lê la*** | - HS nghe |
| ***c. Thi đọc cả bài.*** |  |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp. | - Từng cặp lên thi đọc cả bài |
| - GV cùng học sinh nhận xét |  |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ. | - Các tổ lên thi đọc cả bài |
| - GV cùng học sinh nhận xét |  |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc cá nhân. | - Hs xung phong lên thi đọc cả bài |
| - GV cùng học sinh nhận xét |  |
| \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 7(dưới chân trang 23). | \* Cả lớp nhìn SGK đọc **ê, l** |
| ***2.4. Tập viết (Bảng con – BT 5)*** |  |  |
| ***a. Viết :* ê, l, lê** |  |
| *\* Chuẩn bị.* |  |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi. | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV |
| *\* Làm mẫu.* |  |
| - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **ê, l** cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ **ê, l** | - HS theo dõi  - HS đọc |
| - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :  C:\Users\Hello\Downloads\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p3\mau chu cao 2.5 o ly (54).jpg  + Chữ ê: Cao 2 li, rộng 1,5 li, gồm 3 nét:  Nét 1, đặt viết trên đường kẻ 1 một chút, viết nét cong phải tới đường kẻ 3. Sau đó chuyển hướng viết tiếp nét cong trái, tạo vòng khuyết ở đầu chữ. Dừng bút ở khoảng giữa đường kẻ 1 và đường kẻ 2. Chú ý, vòng khuyết nhìn cân xứng không quá to hoặc nhỏ. (Cách viết tương tự chữ e).  Nét 2, nét 3, từ điểm dừng bút của nét 1. Lia bút lên đầu chữ e để viết dấu mũ (ở khoảng giữa đường kẻ 3 và 4) tạo thành chữ ê.  **C:\Users\Hello\Downloads\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p4\mau chu cao 2.5 o ly (73).jpg**  + Chữ l: Cao 5 li, gồm 1 nét. Nét viết chữ l là kết hợp của hai nét cơ bản khuyết xuôi và móc ngược (phải).  Cách viết: Đặt bút trên đường kẻ 2, viết nét khuyết xuôi (đầu nét khuyết chạm đường kẻ 6). Đến gần đường kẻ 2 thì viết tiếp nét móc ngược (phải). Dừng bút ở đường kẻ 2.  + Tiếng **lê**: viết chữ **l** trước chữ **ê** sau, chú ý nối giữa chữ **l** với chữ **ê**. | - HS theo dõi |
| *c. Thực hành viết*  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết **lê** | - HS viết chữ **l, ê** và tiếng **lê** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ **l, ê** từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ ***lê*** từ 2-3 lần |
| *d. Báo cáo kết quả*  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét |
| - Cho HS viết chữ **lê**  - GV nhận xét | - HS xóa bảng viết tiếng **lê** 2-3 lần  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - HS khác nhận xét |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài 11  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **l, ê** trên bảng con  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 19/9/2020

Ngày dạy: 22/9/2020

**Môn: Tiếng Việt**

**Tiết : 20,21**

**BÀI 11: b bê**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái **b**; nhận biết thanh ngã, dấu ngã, đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm **b** “mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”.

- Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **b**, có **thanh ngã.**

- Đọc đúng bài tập đọc *Ở bờ đê*

- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng và chữ số: **b, bễ; 2, 3.**

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** | | |  |
| - Ổn định | | | - HS hát tập thể |
|  | | |  |
| + GV gọi học viết bảng con các chữ ***ê, l, lê*** | | | - HS viết bài. |
| + GV cho học sinh nhận xét bài viết. | | |  |
| - Giới thiệu bài | | |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về âm **b** và chữ **b**; thanh ngã và dấu ngã – chữ **bễ**  + GV ghi chữ **b**, nói: **bờ**  + GV ghi chữ **bễ**, nói: **bễ** | | | - Lắng nghe  - 4-5 em, cả lớp : “**bờ”**  - Cá nhân, cả lớp : **“bễ”** |
| + GV giới thiệu chữ B in hoa | | |  |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (30 phút)** | | | |
| **Hoạt động 1. Khám phá (10 phút)** | | | |
| **1.1 Dạy âm b và chữ cái b** | |  | |
| - GV đưa tranh con bê lên bảng    - Đây là con gì?  - GV chỉ tiếng **bê**  - GV nhận xét | | - HS quan sát  - HS : Đây là con bê  - HS nhận biết **b, ê = bê**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **bê** | |
| ***\* Phân tích*** | |  | |
| - GV viết bảng chữ **bê** và mô hình chữ **bê**  - GV chỉ tiếng **bê** và mô hình tiếng **bê**   |  |  | | --- | --- | | **bê** | | | **b** | **ê** |   - GV hỏi: Tiếng **bê** gồm những âm nào? | | - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng **bê** gồm có âm **b** và âm **ê**. Âm **b** đứng trước và âm **ê** đứng sau. | |
| ***\* Đánh vần.***  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : ***bê***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***b***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***ê***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***bê***.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***bờ-ê-bê*** | | - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***bờ-ê-bê***  - Cả lớp đánh vần: ***bờ-ê-bê*** | |
| ***1.2. Tiếng bễ*** | |  | |
| - GV đưa tranh cái bễ lên bảng    - GV chỉ vào ảnh cái bễ (lò rèn): Đây là cái bễ ở lò rèn. Bễ dùng để thổi lửa cho to hơn, cháy mạnh hơn.  - GV chỉ tiếng **bễ**. Giới thiệu đây là tiếng **bễ**.  - Tiếng bễ khác bê ở điểm nào?  - GV: đó là dấu ngã  - GV đọc : **bễ** | | - HS quan sát  - HS theo dõi, quan sát  - HS nhận biết **bễ**  - Tiếng bễ khác tiếng bê là có thêm dấu.  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **bễ** | |
| ***\* Phân tích*** | |  | |
| - GV viết bảng chữ **bễ** và mô hình chữ **bễ**  **˜**  - GV chỉ tiếng **bễ** và mô hình tiếng **bễ**   |  |  | | --- | --- | | **b** | **ê** |   - GV hỏi: Tiếng **bễ** gồm những âm nào? | | - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng **bê** gồm có âm **b** và âm **ê** và thanh ngã. Âm **b** đứng trước và âm **ê** đứng sau. | |
| ***\* Đánh vần.***  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : ***bễ***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***bê***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***ngã***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***bễ***.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***bờ-ê-bê -ngã –bễ*** | | - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***bờ-ê-bê-ngã- bễ***  - Cả lớp đánh vần: ***bờ-ê-bê-ngã- bễ, bễ*** | |
| ***\* Củng cố:***  - Các em vừa học chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **bê,bễ** | | - Chữ **b**  - Tiếng **bê**  - HS đánh vần, đọc trơn : ***bờ-ê-bê, bê ; bờ-ê-bê-ngã- bễ*** | |
| **Hoạt động 2: Luyện tập (20 phút)**  **\* Mục tiêu:** Nhìn tranh, ảnh minh họa, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **b**, thanh ngã. | | | |
| ***2.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm b (bờ)*** |  | | |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 24 (GV giơ sách mở trang 24 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có âm **b**. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có âm **b.** | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 24. | | |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *bò, lá, bàn, búp bê, bóng, bánh*  - HS nói đồng thanh | | |
| *d. Báo cáo kết quả.*  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1- HS2 nói : **bê** có âm **b**  + HS1 chỉ hình 2- HS2 nói : **lá** không có âm **b**  + HS1 chỉ hình 3- HS2 nói : **bàn** có âm **b**  + HS1 chỉ hình 4- HS2 nói : **búp bê** có âm **b**  + HS1 chỉ hình 5- HS2 nói : **bóng** có âm **b**  + HS1 chỉ hình 6- HS2 nói : **bánh** có âm **b** | | |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân | | |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm ê (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (bố, bé, bế,...) | | |
| ***2.2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Tiếng nào có thanh ngã.*** |  | | |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 25 (GV giơ sách mở trang 25 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có thanh ngã. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có thanh ngã. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 25. | | |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật, hoạt động.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *vẽ, đũa, quạ, sữa, võ, nhãn*  - HS nói đồng thanh | | |
| *d. Báo cáo kết quả.*  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1- HS2 nói : **vẽ** có **thanh ngã.**  + HS1 chỉ hình 2- HS2 nói : **đũa** có **thanh ngã.**  + HS1 chỉ hình 3- HS2 nói : **quạ** không có **thanh ngã.**  + HS1 chỉ hình 4- HS2 nói : **sữa** có **thanh ngã.**  + HS1 chỉ hình 5- HS2 nói : **võ** có **thanh ngã.**  + HS1 chỉ hình 6- HS2 nói : **nhãn** có **thanh ngã.** | | |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân | | |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm ê (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với thanh ngã tương ứng.  - HS nói (ngã, kẽ, dễ,...) | | |
| ***2.3. Tập đọc. (Bài tập 3)*** |  | | |
| ***a. Giới thiệu bài*** |  | | |
| - GV trình chiếu hình ảnh bài tập đọc lên bảng    - GV chỉ 3 hình ảnh minh họa và hỏi: Đây là hình ảnh những con vật gì? | - HS theo dõi, quan sát  - HS quan sát và trả lời: Tranh 1: con dê; tranh 2: con dế; tranh 3: con bê | | |
| - GV : Bài đọc nói về con dê, con dế, con bê ở bờ đê. | - HS theo dõi | | |
| - GV chỉ từng hình mời học sinh nói tên các con vật. | - HS nhắc lại : dê, dế, bê | | |
| - Các em cùng nghe xem các con vật làm gì ở bờ đê nhé |  | | |
| ***b. Đọc mẫu.*** |  | | |
| - GV đọc mẫu 1-2 lần | - HS nghe | | |
| ***c. Luyện đọc từ ngữ.*** |  | | |
| - GV chỉ các từ *bờ đê, la cà, có dế, có cả bê, be be* trong bài đọc trên bảng  - GV giải nghĩa :  + Bờ đê : bờ đất cao chạy dài dọc theo hai bên bờ sông, bờ biển để ngăn nước ngập.  + La cà: đi chỗ nọ chỗ kia  + Be be : từ mô phỏng tiếng kêu của con dê. | - HS đánh vần, đọc trơn các từ GV chỉ  - Lắng nghe | | |
| **Tiết 2 *(30 phút)*** | | | |
| ***2.4. Tập đọc (tiếp)*** |  | | |
| ***d. Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.***  - GV chỉ từng câu và giới thiệu: Bài đọc có 3 tranh và 4 câu (tranh 3 có 2 câu)  - GV đánh số thứ tự từng câu trong bài trên bảng.  - GV : Các em đọc thầm tên bài, đọc từng câu theo tay cô chỉ.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong tên bài  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 1.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 2.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 3.  - GV cho HS đọc  - GV chỉ vài câu theo thứ tự đảo lộn | - HS đếm số câu theo sự chỉ dẫn của GV.  - HS theo dõi  - HS theo dõi  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc tiếp nối theo nhóm, cặp:  + Từng HS tiếp nối nhàu đọc từng lời dưới tranh: HS 1 đọc tên bài và câu 1, các bạn khác tự đứng lên đọc tiếp nối.  + 3 cặp HS tiếp nối đọc lời dưới 3 bức tranh.  - Một vài HS đọc | | |
| ***e. Thi đọc cả bài.*** |  | | |
| - Cho HS làm việc nhóm đôi | - Từng cặp nhìn SGK cùng luyện đọc | | |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp. | - Từng cặp lên thi đọc cả bài | | |
| - GV cùng học sinh nhận xét |  | | |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ. | - Các tổ lên thi đọc cả bài | | |
| - GV cùng học sinh nhận xét |  | | |
| ***g. Tìm hiểu bài đọc*** |  | | |
| - GV cho HS tìm hiểu nội dung bài đọc qua 1 số câu hỏi gợi ý:  + Con gì la cà ở bờ đê?  + Dê gặp những con gì?  + Con bê kêu thế nào? | - Lắng nghe và trả lời câu hỏi:  + Con dê la cà ở bờ đê.  + Dê gặp con dế, con dê.  + Con dê kêu “be be”. | | |
| \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 11 | \* Cả lớp nhìn SGK đọc | | |
| ***2.5. Tập viết (Bảng con – BT 5)*** |  | | |  |
| - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 5 | - HS đọc (cá nhân-tập thể) | | |
| ***a. Viết : b, bê, bễ*** |  | | |
| *\* Chuẩn bị.* |  | | |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi. | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV | | |
| *\* Làm mẫu.* |  | | |
| - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **b,bê, bễ** cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ **b** | - HS theo dõi  - HS đọc | | |
| - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :  C:\Users\Hello\OneDrive\Máy tính\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p4\mau chu cao 2.5 o ly (66).jpg  + Chữ ***b***: Cao 5 li, rộng 1,5 li, gồm 3 nét:nét khuyết xuôi, nét móc ngược và nét xoắn: Đặt bút trên đường kẻ 2, viết nét khuyết xuôi. Đầu nét khuyết chạm vào đường kẻ 6, nối liền với nét móc ngược phải. Chân nét móc chạm đường kẻ 1, kéo dài chân nét móc tới đường kẻ 3 thì lượn sang trái. Tới đường kẻ 3 thì lượn bút trở lại sang phải, tạo vòng xoắn nhỏ ở cuối nét. Dừng bút ở gần đường kẻ 3.  + Tiếng **bê**: viết chữ **b** trước chữ **ê** sau, chú ý nối giữa chữ **b** với chữ **ê**.  + Tiếng **bễ**: viết chữ **b** trước chữ **ê** sau, chú ý nối giữa chữ **b** với chữ **ê**. Dấu ngã là 1 nét lượn lên xuống từ trái sang phải. | - HS theo dõi | | |
| ***b. Viết : 2, 3*** |  | | |
| *\* Chuẩn bị.* |  | | |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi. | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV | | |
| *\* Làm mẫu.* |  | | |
| - GV giới thiệu mẫu số **2, 3** cỡ vừa.  - GV chỉ bảng số **2, 3** | - HS theo dõi  - HS đọc | | |
| - GV vừa viết mẫu từng chữ số trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :  C:\Users\Hello\OneDrive\Máy tính\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p3\mau chu cao 2.5 o ly (47).jpg  + Số ***2***: Cao 4 li, gồm 2 nét:nét 1 là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trên và thẳng xiên, nét 2 là thẳng ngang.  C:\Users\Hello\OneDrive\Máy tính\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p1\mau chu cao 2.5 o ly (2).jpg  + Số ***3***: Cao 4 li, gồm 3 nét:nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng xiên, nét 3 cong phải | - HS theo dõi | | |
| *c. Thực hành viết*  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết ***bê, bễ***  Cho học sinh viết số ***2, 3*** | - HS viết chữ **b, ê** và tiếng **bê; số 2, 3** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ **b, ê** từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ ***bê, bễ*** từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng số ***2, 3*** từ 2-3 lần | | |
| *d. Báo cáo kết quả*  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét | | |
| - Cho HS viết chữ **bê, bễ,** số **2, 3**  - GV nhận xét | - HS xóa bảng viết 2-3 lần  - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - HS khác nhận xét | | |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài 12  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **b, ê** trên bảng con  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe | | |

Ngày soạn: 20/9/2020

Ngày dạy: 23/9/2020

**Môn: Tiếng Việt**

**Tiết : 23,24**

**BÀI 12: g h**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết các âm và chữ cái **g, h**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có âm **g, h** “mô hình “âm đầu + âm chính”; “âm đầu + âm chính + thanh”: **ga, hồ**

- Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **g**, âm **h**

- Đọc đúng bài tập đọc *Bé Hà, bé Lê*

- Biết viết trên bảng con các chữ **g, h**, tiếng **ga, hồ**

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** | |  |
| - Ổn định | |  |
| - Kiểm tra bài cũ | |  |
| + GV gọi HS đọc bài tập đọc *Ở bờ đê* | | - 2 HS đọc |
| + GV cho học sinh nhận xét bài viết. | |  |
| - Giới thiệu bài | |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ học bài về âm **g** và chữ **g (gờ)**; âm **h** và chữ **h (hờ)**  + GV ghi chữ **g**, nói: **gờ**  + GV ghi chữ **h**, nói: **hờ** | | - Lắng nghe  - 4-5 em, cả lớp : “**gờ”**  - Cá nhân, cả lớp : **“hờ”** |
| + GV giới thiệu chữ G, H in hoa | |  |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (30 phút)** | | |
| **Hoạt động 1. Khám phá (10 phút)** | | |
| **1.1 Dạy âm b và chữ cái b** | |  |
| - GV đưa tranh nhà ga lên bảng    - Đây là ở đâu gì?  - GV chỉ tiếng **ga**  - GV giải nghĩa : ga/nhà ga là bến đỗ, nơi xuất phât của các đoàn tàu. | | - HS quan sát  - HS : Đây là nhà ga  - HS nhận biết **g, a = ga**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **ga**  - Lắng nghe |
| ***\* Phân tích*** | |  |
| ***+ Phân tích tiếng ga*** | |  |
| - GV viết bảng chữ **ga** và mô hình chữ **ga**  - GV chỉ tiếng **ga** và mô hình tiếng **ga**   |  |  | | --- | --- | | **ga** | | | **g** | **a** |   - GV hỏi: Tiếng **ga** gồm những âm nào?  - GV cho HS ghép bảng tiếng **ga** | | - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng **ga** gồm có âm **g** và âm **g**. Âm **g** đứng trước và âm **a** đứng sau.  - HS ghép trên bảng cài |
| ***\* Đánh vần.***  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : ***ga***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***g***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***a***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***ga***.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***gờ-a-ga*** | | - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***gờ-a-ga***  - Cả lớp đánh vần: ***gờ-a-ga*** |
| **1.2. Dạy âm h và chữ cái h** | |  |
| - GV đưa tranh hồ lên bảng  - Đây là gì?  - GV chỉ tiếng **hồ**  - GV giải nghĩa : hồ là vùng nước rộng hơn ao thường để thả tôm cá.  \* GV cho HS ghép bảng tiếng **hồ** | | - HS quan sát  - HS : Đây là hồ  - HS nhận biết **h, ô + huyền = hồ**  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **hồ**  - Lắng nghe  - HS ghép trên bảng cài |
| ***\* Phân tích*** | |  |
| - GV viết bảng chữ **hồ** và mô hình chữ **hồ**  **ˋ**  - GV chỉ tiếng **bễ** và mô hình tiếng **hồ**   |  |  | | --- | --- | | **h** | **ô** |   - GV hỏi: Tiếng **hồ** gồm những âm nào? | | - Theo dõi  - HS trả lời nối tiếp: Tiếng **hồ** gồm có âm **h** và âm **ô** và thanh huyền. Âm **h** đứng trước và âm **ô** đứng sau. |
| ***\* Đánh vần.***  - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:  + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : ***hồ***  + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ***hô***  + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: ***huyền***  + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: ***hồ***.  - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***hờ-ô-hô –huyền –hồ*** | | - Quan sát và cùng làm với GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV  - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ.  - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***hờ-ô-hô –huyền –hồ*** - Cả lớp đánh vần: ***hờ-ô-hô –huyền –hồ, hồ*** |
| ***\* Củng cố:***  - Các em vừa học chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?  - GV chỉ mô hình tiếng **ga,hồ** | | - Chữ **g, h**  - Tiếng **ga, hồ**  - HS đánh vần, đọc trơn : ***g-a-ga, ga ; hờ-ô-hô-huyền-hồ, hồ*** |
| **Hoạt động 2: Luyện tập (20 phút)**  **\* Mục tiêu:** Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện được tiếng có âm **g**, âm **h.** Đọc đúng bài tập đọc *Bé Hà, bé Lê* | | |
| ***2.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm g (gờ), tiếng nào có âm h?*** | |  |
| *a. Xác định yêu cầu.*  - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 26 (GV giơ sách mở trang 26 cho HS quan sát) rồi nói tên các con vật, cây có âm **g**, tên các con vật, cây có âm **h.** | | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 26. |
| *b. Nói tên sự vật*  - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.  - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *hổ, hồng, gấu, hành, gừng, gà.*  - HS lần lượt nói một vài vòng |
| *d. Báo cáo kết quả.*  - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | | + HS1 chỉ hình 1- HS2 nói : **hổ** có âm **h**  + HS1 chỉ hình 2- HS2 nói : **gấu** không có âm **g**  + HS1 chỉ hình 3- HS2 nói : **hồng** có âm **h**  + HS1 chỉ hình 4- HS2 nói : **hành** có âm **h**  + HS1 chỉ hình 5- HS2 nói : **gừng** có âm **g**  + HS1 chỉ hình 6- HS2 nói : **gà** có âm **g** |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | | - HS báo cáo cá nhân |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập  - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm **g** hoặc **h** (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.  - HS nói (hố, gấc, gánh,...) |
| ***2.2. Tập đọc. (Bài tập 3)*** | |  |
| ***a. Giới thiệu bài*** | |  |
| - GV trình chiếu hình ảnh bài tập đọc lên bảng. | | - HS theo dõi, quan sát |
|  | |  |
| - GV chỉ 3 hình ảnh minh họa và hỏi: Đây là hình ảnh những con vật gì? | | - HS quan sát và trả lời: đây là tranh về 1 gia đình của 2 chị em bạn nhỏ. |
| - GV : Bài đọc nói về bé Hà và bé Lê | | - HS theo dõi |
| - GV chỉ từng hình mời học sinh nói từng thành viên trong gia đình bé Hà, bé Lê. | | - HS nhắc lại : bà, ba, bé Hà và bé Lê |
| - Các em cùng nghe xem một vài hoạt động của gia đình 2 bạn nhỏ nhé. | |  |
| ***b. Đọc mẫu.*** | |  |
| - GV đọc mẫu 1-2 lần | | - HS nghe |
| ***c. Luyện đọc từ ngữ.*** | |  |
| - GV chỉ các từ *Hà, ho, bế,*  trong bài đọc trên bảng  - GV giải nghĩa :  + Bế: [Mang](https://vi.wiktionary.org/wiki/mang) trên [tay](https://vi.wiktionary.org/wiki/tay) một [đứa](https://vi.wiktionary.org/wiki/%C4%91%E1%BB%A9a) [trẻ](https://vi.wiktionary.org/wiki/tr%E1%BA%BB) hay một [con](https://vi.wiktionary.org/wiki/con) [vật](https://vi.wiktionary.org/wiki/v%E1%BA%ADt) [nhỏ](https://vi.wiktionary.org/wiki/nh%E1%BB%8F). | | - HS đánh vần, đọc trơn các từ GV chỉ  - Lắng nghe |
| **Tiết 2 (30 phút)** | | |
| ***2.3. Tập đọc (tiếp)*** |  | |
| ***d. Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.***  - GV chỉ từng câu và giới thiệu: Bài đọc có 3 tranh và 4 câu (tranh 2 có 2 câu)  - GV đánh số thứ tự từng câu trong bài trên bảng.  - GV : Các em đọc thầm tên bài, đọc từng câu theo tay cô chỉ.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong tên bài  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 1.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 2.  - GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh 3.  - GV cho HS đọc  - GV chỉ vài câu theo thứ tự đảo lộn | - HS đếm số câu theo sự chỉ dẫn của GV.  - HS theo dõi  - HS theo dõi  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc (cả lớp đọc thầm-cá nhân-cả lớp).  - HS đọc tiếp nối theo nhóm, cặp:  + Từng HS tiếp nối nhau đọc từng lời dưới tranh: HS 1 đọc tên bài và câu 1, các bạn khác tự đứng lên đọc tiếp nối.  + 3 cặp HS tiếp nối đọc lời dưới 3 bức tranh.  - Một vài HS đọc | |
| ***e. Thi đọc cả bài.*** |  | |
| - Cho HS làm việc nhóm đôi | - Từng cặp nhìn SGK cùng luyện đọc | |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp. | - Từng cặp lên thi đọc cả bài | |
| - GV cùng học sinh nhận xét |  | |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo tổ. | - Các tổ lên thi đọc cả bài | |
| - GV cùng học sinh nhận xét |  | |
| ***g. Tìm hiểu bài đọc*** |  | |
| - GV cho HS tìm hiểu nội dung bài đọc qua 1 số câu hỏi gợi ý:  + Bé Hà bị sao?  + Bà bảo bé Hà bà bế ai?  + Bé Hà đòi Ba làm gì?  + Ba đã bế ai? | - Lắng nghe và trả lời câu hỏi:  + Bé Hà bị ho.  + Bà bế bé Lê  + Đòi ba bế bé Hà  + Ba bế cả bé Hà và bé Lê | |
| \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 11 | \* Cả lớp nhìn SGK đọc | |
| ***2.4. Tập viết (Bảng con – BT 5)*** |  | |  |
| - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 5 | - HS đọc (cá nhân-tập thể) | |
| ***\* Viết : g, h, ga, hồ*** |  | |
| *\* Chuẩn bị.* |  | |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phấn khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giơ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi. | - HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phấn theo yc của GV | |
| *\* Làm mẫu.* |  | |
| - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **g, h, ga, ghế** cỡ vừa.  - GV chỉ bảng chữ **g** | - HS theo dõi  - HS đọc | |
| - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :  C:\Users\Hello\OneDrive\Máy tính\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p1\mau chu cao 2.5 o ly (9).jpg  + Chữ ***g***: Cao 5 li, rộng 1,5 li, gồm 2 nét: Nét 1, đặt bút dưới đường kẻ 3 (trên) một chút. Viết nét cong kín từ phải sang trái.  Nét 2, từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên đường kẻ 3 (trên). Viết nét khuyết ngược kéo dài xuống đường kẻ 4 dưới. Dừng bút ở đường kẻ 2 trên. |  | |
| - GV chỉ bảng chữ **h** |  | |
| - GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :  C:\Users\Hello\OneDrive\Máy tính\MAU CHƯ ĐỦ\mau chu 2.5 o ly p1\mau chu cao 2.5 o ly (13).jpg  + Chữ **h**: Cấu tạo chữ: Nét 1, khuyết xuôi. Nét 2, móc hai đầu.  Cách viết: Nét 1, đặt bút trên đường kẻ 2, viết nét khuyết xuôi. Chú ý đầu nét khuyết chạm vào đường kẻ 6. Dừng bút ở đường kẻ 1.  Nét 2, từ điểm dừng bút của đường kẻ 1. Người viết rê bút lên gần đường kẻ 2 để viết tiếp nét móc hai đầu. Nét móc chạm vào đường kẻ 3, sau đó dừng bút tại đường kẻ 2. |  | |
| + Tiếng **ga**: viết chữ **g** trước chữ **a** sau, chú ý nối giữa chữ **g** với chữ **a**.  + Tiếng **hồ**: viết chữ **h** trước chữ **ô** sau, chú ý nối giữa chữ **h** với chữ **ô**. Dấu huyền là 1 xiên trái đặt trên đầu chữ ô. | - HS theo dõi | |
| *\* Thực hành viết*  - Cho HS viết trên khoảng không  - Cho HS viết bảng con  - Cho học sinh viết ***bê, bễ*** | - HS viết chữ **g, h** và tiếng **ga, hồ** lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ.  - HS viết bài cá nhân trên bảng con chữ **g, h** từ 2-3 lần.  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ **ga, hồ** từ 2-3 lần. | |
| *d. Báo cáo kết quả*  - GV yêu cầu HS giơ bảng con  - GV nhận xét | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3-4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét | |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài 13  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **g, h** trên bảng con  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe | |

Ngày soạn: 21/9/2020

Ngày dạy: 24/9/2020

**Môn: Tiếng Việt**

**Tiết : 25, 26**

**Bài 13: i ia**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các âm và chữ **i, ia;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **i, ia** với mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”: **bi, bia.**
* Nhìn tranh ảnh minh hoạ, phát âm và tự phát hiện tiếng có âm **i,** âm **ia.**
* Đọc đúng bài Tập đọc *Bé Bi, bé Li.*
* Biết viết các chữ **i, ia;** các tiếng **bi, bia,** các chữ số **4, 5** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động**: (3 phút)   Cho hs cả lớp viết bảng con: *ga, hồ*  GV nhận xét.  Giới thiệu bài**:**  - GV giới thiệu bài học về âm và chữ **i, ia. -** GV chỉ từng chữ cho HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - GV giới thiệu chữ I in hoa.  **2.Các hoạt động chủ yếu (30 phút)** | Hs thực hiện |
|  |  |
| **Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá(BT 1: Làm quen)**  **1.1 Âm i và chữ i .**   * GV chỉ hình các viên bi, hỏi: Đây là gì? (Các viên bi). * GV viết **b,** viết **i.**   -Phân tích tiếng **bi.**  **1.2. Âm ia và chữ ia**   * GV chỉ hình bia đá: Đây là các tấm bia ghi tên các tiến sĩ thời xưa. * GV viết **b,** viết **ia.** * Phân tích tiếng **bia** gồm có âm **b** đứng trước, âm **ia** đứng sau.   **Hoạt động 2: Luyện tập**  **2.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm i? Tiếng nào có âm **ia?)**   * GV chỉ hình   **2.2. Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về anh em bé Bi, bé Li (Li là em gái Bi). 2. GV đọc mẫu từng lời dưới tranh, giới thiệu tình huống   Tranh 1: *Bé Li bi bô: - Bi, Bi.* (Li đang đi chập chững, giơ hai tay gọi anh. Giải nghĩa từ *bi bô:* nói chưa sõi, lặp đi lặp lại một số âm).  Tranh 2: *Bé ạ đi.* (Bi nói bé hãy —ạ” anh đi).  Tranh 3: Nghe anh nói vậy, bé Li ngoan ngoãn —ạ” lia lịa nên bị ho. (Thấy bé ho, vẻ mặt Bi lo lắng. Giải nghĩa từ *lia lịa:* liên tục, liên tiếp, rất nhanh).  Tranh 4: *Bi dỗ bé.* (Bi thương em, ôm em vào lòng, dỗ em).  Luyện đọc từ ngữ:  **TIẾT 2 (30 phút)**   * Luyện đọc từng lời dưới tranh * GV: Bài có 4 tranh và lời dưới 4 tranh. * (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ từng chữ trong tên bài cho cả lớp đọc thầm, sau đó 1 HS đọc, cả lớp đọc. Làm tương tự với từng lời dưới tranh. * GV sửa lỗi phát âm cho HS, nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu hai chấm dài hơn sau dấu phẩy. * Thi đọc đoạn, bài (theo cặp / tổ) * Tìm hiểu bài đọc (lướt nhanh)   GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? (Bé Li rất yêu anh Bi. Bi rất yêu em bé. / Anh em Bi rất thân nhau, yêu quý nhau).  \* Cả lớp đọc lại nội dung bài 13; đọc cả 7 chữ học trong tuần (cuối trang 28).  **2.3. Tập viết(bảng con - BT 4)**   1. Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: **i, ia, bi, bia; 4, 5.** 2. Tập viết các chữ, tiếng: **i, ia, bi, bia**  * GV vừa viết từng chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn:   + Chữ i: cao 2 li, gồm một nét hất, 1 nét móc ngược; dấu chấm (.) đặt trên đầu nét móc.  + Chữ **ia:** viết chữ **i** trước, chữ **a** sau, chú ý nét nối giữa **i** và **a.**  + Tiếng **bi:** viết chữ **b** (cao 5 li), chữ **i,** chú ý nét nối giữa **b** và **i.**  + Tiếng **bia:** viết chữ **b,** viết tiếp **ia.**  c) Tập viết các chữ số: **4, 5**   * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:   + Số **4:** cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng xiên, nét 2 thẳng ngang, nét 3 thẳng đứng. + Số **5:** cao 4 li; có 3 nét: nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng đứng, nét 3 cong phải.  **3.Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - Các em vừa học hai chữ mới là chữ gì?  - Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?  - Về nhà các em xem lại bài  - Nhận xét tiết học. Tuyên dương. | HS nhắc lại đề bài  Cả lớp chú ý lắng nghe  HS trả lời: các viên bi  HS: **b, i;** đọc: **bi.** HS (cá nhân, cả lớp): **bi.**  **HS** (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình: **bờ - i - bi / bi.**  HS: **b, ia;** đọc: **bia.** HS (cá nhân, cả lớp): **bia.**  HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc trơn: **bờ - ia - bia / bia.**  \* HS nói lại chữ, tiếng vừa học: **i, ia; bi, bia;** ghép trên bảng cài chữ **i,** chữ **ia.**   * 1 HS nói, sau đó cả lớp nói: *bí, ví, chỉ, mía, đĩa, khỉ.* / HS làm bài trong VBT, báo cáo: Tiếng có âm **ỉ:** *bí, ví, chỉ, khỉ.* Tiếng có âm **ia:** *mía, đĩa.* / GV chỉ hình, cả lớp nói kết quả: Tiếng **bí** có âm **i...** Tiếng **mía** có âm **ia...** * HS nói 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm **i** (chị, phi, thi, nghỉ,...); có âm **ia** (chia, kia, phía, tỉa,...).   Hs lắng nghe  HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần, đọc trơn các từ ngữ (được tô màu hoặc gạch chân): **bi bô, lia lịa, bị ho, dỗ bé.**  HS thực hiệnTừng HS, sau đó từng cặpp tiếp nối nhau đọc lời dưới 4 tranh .   * Các cặp, tổ thi đọc từng đoạn (mỗi cặp / tổ đọc lời dưới 2 tranh). * Các cặp, tổ thi đọc cả bài. * 1 HS đọc cả bài.   Cả lớp đọc đồng thanh cả bài .  HS trả lời  HS thực hiện  Cả lớp đọc  Hs chú ý theo dõi  - HS viết bảng con: **i, ia** (2 lần). Sau đó viết: **bi, bia** (2 lần).  -Hs chú ý theo dõi.   * HS viết trên bảng con: **4, 5** (2 lần).   -HS Chữ ia và tiếng bia |

Ngày soạn: 22/9/2020

Ngày dạy: 25/9/2020

**Môn: Tập viết**

**Tiết : 6**

**Bài 12, 13**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Tô, viết đúng các chữ **g, h, i, ia,** và các tiếng **ga, hồ, bi, bia -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.
* Tô, viết đúng các chữ số **4, 5.**

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Các chữ mẫu *g, h,i, ia-,* các chữ số *4, 5* đặt trong khung chữ.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Khởi động (2 phút)**   Hát tập thể  **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.   1. **Các hoạt động chủ yếu (30 phút)**   **Luyện tập**   1. Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: *g, ga, h, hồ, i, bi, ia, bia, 4, 5.* 2. Tập tô, tập viết: *g, ga, h, hồ*  * GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Chữ *g;* cao 5 li; gồm 1 nét cong kín, 1 nét khuyết ngược. Quy trình (GV viết hoặc tô theo chữ mẫu): Đặt bút dưới ĐK 3 một chút, viết nét cong kín (như chữ *o).* Từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút lên ĐK 3, viết nét khuyết ngược (kéo dài xuống ĐK 4 ở dưới), dừng bút ở ĐK 2 (trên).  + Tiếng *ga,* viết chữ *g* trước, chữ *a* sau.  + Chữ *h;* cao 5 li; gồm 1 nét khuyết xuôi, 1 nét móc hai đầu. Cách viết: đặt bút trên ĐK 2, viết nét khuyết xuôi (đầu khuyết chạm ĐK 6), dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng, rê bút lên gần ĐK 2 để viết nét móc hai đầu (chạm ĐK 3); dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng *hồ',* viết chữ *h* (cao 5 li), chữ *ô,* dấu huyền.   1. Tập tô, tập viết: *i, bi, ia, bia*  * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:   + Chữ z: cao 2 li; gồm 3 nét. Quy trình viết: đặt bút trên ĐK 2, viết nét hất, tới ĐK 3 thì dừng. Từ điểm dừng, chuyển hướng viết tiếp nét móc ngược, dừng bút ở ĐK 2. Đặt dấu chấm trên đầu nét móc.  + Tiếng *bi,* viết *b* trước (cao 5 li), *i* sau (cao 2 li), chú ý nét nối giữa *b* và *i.*thẳng n+ Tiếng *bia,* viết *b* nối sang *ia,* chú ý nét nối giữa *b* và *ia.*   1. Tập tô, tập viết chữ số: *4, 5*  * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:   + Số *4:* cao 4 li; gồm 3 nét. Nét 1: đặt bút trên ĐK 5, viết nét thẳng xiên (từ trên xuống) đến ĐK 2. Nét 2: từ điểm dừng của nét 1 chuyển hướng bút viết nét gang rộng hơn một nửa chiều cao một chút. Nét 3: từ điểm dừng của nét 2, lia bút lên ĐK 4 viết nét thẳng đứng từ trên xuống (cắt ngang nét 2) đến ĐK 1.  + Số 5: cao 4 li; gồm 3 nét. Nét 1: đặt bút trên ĐK 5 viết nét thẳng ngang (trùng ĐK 5) bằng một nửa chiều cao thì dừng. Nét 2: từ điểm dừng bút của nét 1, lia bút trở lại điểm đặt bút của nét 1, viết nét thẳng đứng đến ĐK 3. Nét 3: từ điểm dừng của nét 2 chuyển hướng bút viết nét cong phải đến ĐK 2.  **3/Hoạt động nối tiếp : (3 phút)**  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành.  - Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp. | Hs thực hiện  -1 HS nhìn bảng, đọc: *g, ga, h, hồ,* nói cách viết, độ cao các con chữ.   * HS tô, viết các chữ, tiếng *g, ga, h, hồ* trong vở *Luyện viết 1,* tập một. * 1 HS nhìn bảng, đọc: *i, bi, ia, bia',* nói cách viết, độ cao các con chữ. * HS tô, viết các chữ, tiếng *i, bi, ia, bia* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   HS chú ý theo dõi, quan sát.   * HS tô, viết các chữ số: *4, 5* trong vở *Luyện viết 1,* tập một. |

Ngày soạn: 22/9/2020

Ngày dạy: 25/9/2020

**Môn: Kể chuyện**

**Tiết : 3**

**Bài 14** HAI CHÚ GÀ CON

(1 tiết)

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể được từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Anh em phải yêu thương, nhường nhịn nhau, đừng tranh giành, nghĩ xấu về nhau để khởi phải xấu hổ, ân hận.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Tranh minh hoạ câu chuyện trong SGK (phóng to).

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1 Khởi động (2 phút)**  GV đưa lên bảng tranh minh hoạ câu chuyện *Chồn con đi học,* mời HS 1 kể chuyện theo tranh 1, 2, 3. HS 2 nói lời khuyên của câu chuyện.  **2 Các hoạt động chủ yếu (30 phút)**  **Hoạt động 1: Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)   * 1. **Quan sát và phỏng đoán:** GV chỉ tranh minh hoạ, mời HS xem tranh, đoán nội dung truyện. (Có 2 chú gà con, chú lớn là anh, chú bé hơn là em. Trước mặt hai anh em có con gì đó như là con giun. Hai anh em vẻ mặt căng thẳng như đang cãi nhau. Trong truyện còn có 1 con chuột).   2. **Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện *Hai chủ gà con* kể về hai anh em gà. Nom chúng thật đáng yêu nhưng không rõ vì chuyện gì đó mà chúng cãi nhau.   **Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập**  **Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện với giọng diễn cảm: Các đoạn 1, 2, 3, 4 (hai anh em gà cãi nhau): giọng căng thẳng; ngạc nhiên khi kể về con giun thoắt hiện thoắt biến.   * 1. Đoạn 5: Giọng chuột vui vẻ, hả hê khi chê bai hai anh em gà con. Đoạn 6: Hai chú gà ân hận, giọng kể chậm, thấm thìa.   GV kể 3 lần: Lần 1 kể tự nhiên, không chỉ tranh, HS nghe toàn bộ câu chuyện. Lần 2: Vừa chỉ từng tranh vừa kể chậm, HS nghe và quan sát tranh. Kể lần 3 (như lần 2) để HS khắc sâu nội dung câu chuyện. | Hs kể theo tranh.  Hs nhắc lại đề bài.  HS lắng nghe. |
| **Hai chú gà con**   1. Hai anh em gà con ra vườn kiếm ăn. Cả hai cùng nhìn thấy trong một hốc đất nhỏ có một con gì đó nom giống như một con giun to. 2. Đang đói bụng, hai chú gà cùng lao vào vồ mồi. 3. Nhưng con giun đột ngột biến mất. Gà em nghi ngờ gà anh đã chén con giun. Còn gà anh thì nghi ngờ gà em đã chén con giun. Thế là hai anh em cãi nhau. 4. Bỗng con giun lại xuất hiện. Hai anh em lại lao vào bắt. Nhung, con giun lại biến mất. 5. Chợt một chú chuột vọt ra từ cái hốc gần đó. Chuột ta cười to:   - Đó đâu phải là con giun mà là cái đuôi của ta. Hai anh em ngươi thật ngốc!   1. Hai chú gà ngơ ngác nhìn nhau. Chúng rất ân hận và xấu hổ. Chỉ vì hấp tấp và không biết nhường nhịn nhau nên chúng đã tranh nhau một cái đuôi chuột. | |
| * 1. **Trả lời câu hỏi theo tranh**  1. Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Ra vườn kiếm ăn, anh em gà con thấy gì?* * GV chỉ tranh 2: *Đang đói bụng, hai chú gà làm gì?* * GV chỉ tranh 3: *Vì sao hai anh em gà cãi nhau?* * GV chỉ tranh 4: *Khi lại thấy con mồi, anh em gà làm gì?*     GV (chuyển tiếp): Con giun lại biến mất và con gì vọt ra từ cái hốc gần đó?  GV chỉ tranh 5: *Chuột xuất hiện và nói điều gì?*  -GV chỉ tranh 6: *Vì sao hai anh em gà ân hận, xấu hổ?*  .   1. Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi theo 2 tranh. 2. 1 HS trả lời tất cả các câu hỏi theo 6 tranh.    1. **Kể chuyện theo tranh** (không dựa vào câu hỏi)  * GV cất tranh, (YC không bắt buộc).   1. **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện** * GV: Câu chuyện khuyên các em điều gì? * GV: Câu chuyện là lời khuyên: Anh em phải yêu thương nhau; tranh giành, nghĩ   xấu về nhau sẽ phải xấu hố, ân hận.   1. **Hoạt động nối tiếp ( 3 phút)**  * Yêu cầu HS về nhà kể lại cho người thân nghe câu chuyện về hai anh em gà con đã biết ân hận, xấu hổ vì tranh nhau một cái đuôi chuột. * Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC *Đôi bạn* tuần tới. * GV biểu dương những HS kể chuyện hay. | - Ra vườn kiếm ăn, anh em gà con thấy con vật gì đó giống như một con giun.  -Đang đói bụng, hai chú gà cùng lao vào vồ con giun.  -Vì con giun đột ngột biến mất, hai anh em người nọ nghi ngờ người kia đã chén mất con giun nên cãi nhau.  - Con giun lại xuất hiện, hai anh em gà lại lao vào bắt / vồ con giun. Nhưng con giun lại biến mất.  - Một con chuột  - Chuột nói: “Đó đâuphải là con giun mà là cái đuôi của ta. Hai anh em ngươi thật ngốc!”.  - Anh em gà ân hận, xấu hổ bởi vì chúng hấp tấp và không biết nhường nhịn nhau nên đã tranh nhau một cái đuôi chuột, bị chuột chê cười.  - Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.   * HS kể chuyện theo tranh bất kì (Trò chơi *Ô cửa sổ* hoặc bốc thăm).  1. Một HS chỉ 6 tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.   1 HS xung phong kể lại câu chuyện   * Câu chuyện khuyên: Anh em phải yêu thương nhau. / Anh em tranh giành nhau sẽ phải ân hận, xấu hổ. * Cả lớp bình chọn những HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa của câu chuyện. |

Ngày soạn: 21/9/2020

Ngày dạy: 24/9/2020

**Môn: Tiếng việt**

**Tiết : 27**

**Bài 15 ÔN TẬP**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Biết ghép các âm đã học (âm đầu **l, b, h, g,** âm chính **a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia)** thành tiếng theo mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”.
* Đọc đúng bài Tập đọc *Bể cá.*
* Tìm đúng từ ứng với mỗi hình, viết đúng từng từ.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Mô hình ghép âm (BT 1).
* Hình ảnh và các thẻ từ để HS làm BT 3 (gắn từ dưới hình) trên bảng lớp.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1 Khởi động (2 phút)  Hát tập thể  **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.   1. Các hoạt động chủ yếu   **Hoạt động 1: Luyện tập**   * 1. **BT 1** (Ghép các âm đã học thành tiếng) (Làm việc lớp - nhanh) * GV gắn / chiếu lên bảng lớp mô hình ghép âm; nêu YC. * GV chỉ từng chữ (âm đầu) ở cột dọc, cả lớp đọc: **l, b, h, g.** * GV chỉ từng chữ (âm chính) ở cột ngang, cả lớp đọc: **a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia.** * GV chỉ chữ, mời từng tô tiếp nối nhau ghép từng tiếng theo cột ngang: la, lo, lô, lơ, le, lê, li, lia / ba, bo, bô, bơ, be, bê, bi, bia / ha, ho, hô, hơ, he, hê, hi, hia / ga, go, gô, gơ (không có ge, gê, gi, gia). * GV chỉ chữ, cả lớp đồng thanh đọc lại.   **1.2. BT 2** (Tập đọc)   1. GV chỉ hình minh hoạ bài đọc, hỏi: Đây là cái gì? (Đây là bể cá cảnh). GV: Các em cùng đọc bài Tập đọc để biết bể cá cảnh này có những con vật gì. 2. GV đọc mẫu; kết hợp giải nghĩa từ: *cò đá* (cò làm bằng đá); *le le gỗ* (le le đẽo bằng gỗ). 3. Luyện đọc từ ngừ:**.**      1. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có mấy câu? (GV chỉ từng câu cho HS đếm: 4 câu). * (Đọc vỡ từng câu) Thi đọc cả bài   **1.3.BT 3** (Tìm từ ứng với hình)   * GV đưa lên bảng lớp 5 hình ảnh, 5 thẻ từ. * GV chỉ từng từ, cả lớp đọc: *bí, lê, hổ, gà, đĩa.* * GV chỉ từng hình,   **3.Hoạt động nối tiếp (3 phút)**  Về nhà luyện đọc các âm đã học  Nhận xét tiết học. Tuyên dương | HS lắng nghe  HS đọc.  HS từng tổ đọc nối tiếp và đồng thanh cả lớp.  HS trả lời:Đây là bể cá cảnh .  HS theo dõi ,lắng nghe  HS (cá nhân, cả lớp) đánh vân (nếu cần), đọc trơn các từ ngữ được tô màu hoặc gạch chân trong bài: **bể cá, có cò, cò đá, le le gỗ**   * Cả lớp đọc thầm tên bài và câu 1 theo thước chỉ của GV. Sau đó 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc đồng thanh. Làm tương tự với câu 2, 3, 4. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp). * Các cặp, tổ thi đọc cả bài. * 1 HS đọc cả bài. * Cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ để không ảnh hưởng đến lớp bạn). * 1 HS làm bài trên bảng: gắn từ dưới hình tương ứng.   cả lớp đọc: 1) gà, 2) bí, 3) đĩa, 4) lê, 5) hổ.  HS làm vào VBT hoặc viết vào vở tên 5 sự vật theo TT hình của SGK |

Ngày soạn: 18/9/2020

Ngày dạy: 21/9/2020

**Môn: Toán**

**Tiết : 7**

**BÀI: SỐ 10**

**I. MỤC TIÊU:**

**- Biết cách đếm các đồ vật có số lượng đến 10. Thông qua đó, HS nhận biết được số lượng, hình thành biểu tượng về số 10.**

**- Đọc, viết số 10.**

**- Nhận biết vị trí số 0 trong dãy các số từ 0 – 10.**

- Thông qua các hoạt động quan sát tranh, đếm số lượng, nhận biết số 10 trong các tình huống thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

**-Thông qua việc sử dụng số 10 để biểu thị số lượng, trao đổi chia sẻ với bạn các ví dụ về số 10 trong thực tiễn, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Tranh tình huống.**

**- Một số chấm tròn, que tính, hình tam giác trong bộ đồ dùng Toán 1.**

- Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. khởi động ( 3 phút)** |  |
| - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động SGK Toán 1 trang 18.  - Yêu cầu học sinh làm việc nhóm đôi: nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì.  - Giáo viên theo dõi, giúp đỡ các nhóm.  **2. Các hoạt động chủ yếu ( 30 phút)** | - HS quan sát tranh trên màn hình.  - HS đếm số quả mỗi loại rồi trao đổi với bạn:  + Có 5 quả xoài  + Có 6 quả cam  + Có 8 quả na  + Có 9 quả lê |
| **Hoạt động 1: hình thành kiến thức.** |  |
| **1.1. Hình thành số 10.** |  |
| **\* Quan sát khung kiến thức.** |  |
| - GV yêu cầu HS đếm số quả táo và số chấm tròn.  - GV yêu cầu học sinh lần lượt lấy ra các thẻ tương ứng với số 10.  - GV yêu cầu HS lấy 10 đồ vật bất kì trong bộ đồ dùng toán rồi đếm.  - Y/C HS lên bảng đếm | - HS đếm và trả lời :  + Có 10 quả táo, có 10 chấm tròn. Số 10.  + Xô màu hồng có 2 con cá. Ta có số 2.  - HS lấy thẻ số trong bộ đồ dùng gài số 10.  - HS lấy nhóm đồ vật số lượng là 10 (que tính, chấm tròn) rồi đếm.  - HS ở dưới theo dõi và nhận xét. |
| **1.2. Viết số 10**  - GV viết mẫu kết hợp hướng dẫn học sinh viết số 10:  + Số 10 gồm có mấy chữ số? Là các chữ số nào?  + Số 10 gồm có các chữ số nào?  + Chữ số nào đứng trước, chữ số nào đứng sau?  + GV yêu cầu HS nêu lại quy trình viết chữ số 1 và chữ số 0.  - GV cho học sinh viết bảng con | - Học sinh theo dõi và quan sát  + Gồm có 2 chữ số.  + Chữ số 1 và chữ số 0  + Chữ số 1 đứng trước, chữ số 0 đứng sau.  + Vài HS lên chia sẻ cách viết  - HS tập viết số 0 |
| - GV nhận xét, sửa cho HS. |  |
| **Hoạt động 2: thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. a.Số ?** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp. | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả có trong mỗi hình đọc số tương ứng cho bạn :  + 8 quả na  + 9 quả lê  + 10 quả măng cụt  - Đại diện một vài nhóm lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các nhóm. |
| **b. Chọn số thích hợp:**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp.  - GV cùng học sinh nhận xét phần chia sẻ của bạn. | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số quả có trong mỗi hình rồi chọn số thích hợp có trong ô:  + 6 quả cam  + 8 quả chuối  + 10 quả xoài  - 3 HS lên chia sẻ trước lớp |
| **Bài 2. Lấy số hình phù hợp (theo mẫu)** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS làm mẫu:  + Bên dưới ô đầu tiên là số mẫy?  + Tiếp theo ta phải làm gì?  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu.  + Là số 8  + Lấy 8 ô vuông nhỏ trong bộ đồ dùng bỏ vào trong khung hình  - HS lần lượt lấy 9 rồi 10 ô vuông nhỏ bỏ vào trong từng khung hình.  - HS báo cáo kết quả làm việc. |
| **Bài 3. Số ?** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh thi đếm 0-10 và 10-0.  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS thi đếm từ 0 đến 10 và đếm từ 10 đến 0. |
| **Hoạt động 3: vận dụng** |  |
| **Bài 4. Đếm và chỉ ra 10 bông hoa mỗi loại.** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài theo cặp.  - GV yêu cầu học sinh kể tên các 10 đồ vật có xung quanh mình.  - GV cùng HS nhận xét. | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS dếm đủ 10 bông hoa mỗi loại rồi chia sẻ với bạn cách đếm.  - HS kể |
| 1. **Hoạt động nối tiếp ( 3 phút)** |  |
| - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét . Tuyên dương |  |

Ngày soạn: 21/9/2020

Ngày dạy: 24/9/2020

**Môn: Toán**

**Tiết : 8**

**BÀI: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:**

**- Nhận biết được số lượng trong phạm vi 10. Biết đọc, viết các số trong phạm vi 10, thứ tự vị trí của mỗi số trong dãy số từ 0 – 10.**

**- Lập được các nhóm có đến 10 đồ vật.**

**- Nhận dạng và gọi đúng tên hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.**

- Thông qua các hoạt động : đếm số lượng nêu số tương ứng hoặc với mỗi số lấy tương ứng số lượng đồ vật. Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học.

**-Thông qua việc tìm quy luật xếp hình đơn giản, liên hệ thực tế tìm những con vật có 2 chân, 4 chân,… Học sinh có cơ hội được phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**- Bộ đồ dùng Toán 1**

- Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. khởi động (3 Phút)** |  |
| ***\* Trò chơi : Tôi cần, tôi cần.***  - Giáo viên hướng dẫn cách chơi: chọn 2-3 đội chơi, mỗi đội 3-5 người chơi. Quản trò nêu yêu cầu. Chẳng hạn: “Tôi cần 3 cái bút chì”. Nhóm nào lấy đủ 3 chiếc bút chì nhanh nhất được 2 điểm. Nhóm nào được 10 điểm trước sẽ thắng cuộc.  - GV cho học sinh chơi thử.  - GV cho học sinh chơi  **2. Các hoạt động chủ yếu ( 30 phút)** | - HS nghe hướng dẫn chơi  - HS chơi thử.  - HS chơi |
| **Hoạt động 1: thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. Mỗi chậu có mấy bông hoa?** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm việc cá nhân.  - Gọi HS lên chia sẻ trước lớp. | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu bài  - HS đếm số bông hoa và trả lời  + Chậu hoa mầu hồng có 10 bông hoa.  + Chậu hoa mầu xanh có 9 bông hoa.  + Chậu hoa mầu vàng không có bông hoa nào.  - Một vài HS lên chia sẻ.  - HS đánh giá sự chia sẻ của các bạn. |
| **Bài 2. Trò chơi “Lấy cho đủ số hình”** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn HS cách chơi: Chia lớp thành các nhóm 4. 2 bạn lấy ra 2 số trong phạm vi 10, 2 bạn còn lại lấy ra số đồ vật tương ứng có trong bộ đồ dùng học toán.  Sau đó đổi vai. Bạn nào làm nhanh và đúng bạn đó chiến thắng.  - GV cho học sinh chơi theo nhóm bốn  - GV cho HS lần lượt lên chia sẻ kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu.  - Lắng nghe  - HS chơi trong vòng 5 phút  - HS báo cáo kết quả làm việc. |
| **Bài 3. Số ?** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh đọc các số trong bài  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi điền các số còn thiếu vào ô trống.  - HS đọc |
| **Hoạt động 2: vận dụng** |  |
| **Bài 4. Đếm số chân của mỗi con vật sau.** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh chơi trò chơi: Đố bạn  - GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên chỉ vào hình các con vật chỉ định 1 bạn bất kì nói số chân của con vật đó.  - GV cho HS chơi thử  - GV cho HS chơi  - GV cùng HS nhận xét. | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS lắng nghe  - HS quan sát và kể số chân con vật được chỉ định |
| **Bài 3. Tìm hình phù hợp.** |  |
| - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho học sinh làm bài cá nhân  - GV tổ chức cho học sinh lên báo cáo kết quả  - GV cùng HS nhận xét tuyên dương | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS tìm quy luật rồi xác định hình phù họp vào ô trống.  - HS nêu kết quả a. Tam giác màu đỏ  b. hình chữ nhật màu xanh, hình chữ nhật màu vàng |
| **3. Hoạt động nối tiếp ( 2 phút)** |  |
| - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các ví dụ có số 10 trong cuộc sống để hôm sau chia sẻ với các bạn.  - Nhận xét . Tuyên dương |  |

Ngày soạn: 22/9/2020

Ngày dạy: 25/9/2020

**Môn: Toán**

**Tiết : 9**

**BÀI: NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU**

**I. MỤC TIÊU:**

**- Biết so sánh số lượng của hai nhóm đồ vật.**

**- Biết sử dụng từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau* khi so sánh về số lượng.**

- Thông qua việc đặt tương ứng 1 – 1 để so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực mô hình hóa, năng lực tư duy và lập luận toán học.

**-Thông qua việc quan sát tranh tình huống, trao đổi, nhận xét chia sẻ ý kiến, sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau*để mô tả, diễn đạt** so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng**, học sinh có cơ hội được phát triển năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

**- Các thẻ bìa : cái cốc, 6 cái đĩa, 5 cái thìa, 6 cái bát; thẻ đúng, thẻ sai**

**- Một số tình huống đơn giản lên quan đến *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.***

**2. Học sinh:**

- Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. khởi động. (3 PHÚT)** |  |
| - Giáo viên trình chiếu tranh khởi động ở trang 22 SGK .  - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi những điều mình quan sát được từ bức tranh.  - Yêu cầu học sinh nhận xét về số bạn gấu so với số bát, số cốc hay số thìa có trên bàn.  - GV theo dõi giúp đỡ các nhóm. Khuyến khích học sinh trao đổi theo ý hiều và ngôn ngữ của mình.  **2 Các hoạt động chủ yếu ( 30 phút)** | - HS quan sát  - HS trao đổi những điều quan sát được:  + 6 bạn gấu đang ngồi ở bàn ăn.  + Trên bàn có 6 cái bát, 7 cái cốc,…  - HS trao đổi |
| **Hoạt động 1: hình thành kiến thức.** |  |
| \* GV treo tranh lên bảng.    - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ cốc tương ứng để lên bàn.  - Yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi nói cho nhau nghe số bát nhiều hơn số cốc hay số cốc nhiều hơn số bát?  - GV hướng dẫn HS cách xác định số cốc nhiều hơn số bát.  + Vẽ đường nối tương ứng thẻ bát và cốc.  + Ta thấy số cốc thừa ra mấy cái?  + Chứng tỏ số cốc đã ***nhiều hơn*** số bát hay số bát ***ít hơn*** số cốc. | - HS quan sát  - HS thực hiện lấy 6 thẻ bát và 7 thẻ cốc để lên bàn.  - HS trao đổi theo cặp : Số cốc nhiều hơn số bát.  + HS vẽ theo  - Thừa ra 1 cái  - HS nhắc lại |
| \* GV treo tranh lên bảng.    - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ thìa tương ứng để lên bàn.rồi so sánh số lượng 2 loại  - GV cho HS làm việc theo cặp so sánh như lần trước.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả | - Theo dõi  - HS theo tác lấy thẻ  - HS vẽ đường nối so sánh và đưa ra kết luận.  - Số bát đã ***nhiều hơn*** số thìa hay số thìa ***ít hơn*** số bát. |
| \* GV treo tranh lên bảng.    - GV gắn lên bảng và yêu cầu học sinh lấy thẻ bát và thẻ đĩa tương ứng để lên bàn.rồi so sánh số lượng 2 loại  - GV cho HS làm việc theo cặp so sánh như 2 lần trước.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả | - Theo dõi  - HS theo tác lấy thẻ  - HS vẽ đường nối so sánh và đưa ra kết luận.  - Số bát đã ***bằng*** số thìa hay số thìa và số bát bằng nhau. |
| - GV Y/C HS nhắc lại : ***nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.*** | - HS (cá nhân- cả lớp)nhắc lại |
| **Hoạt động 2: thực hành luyện tập.** |  |
| **Bài 1. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau để nói về hình vẽ sau.**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV cho HS quan sát hình vẽ.  + Trong hình vẽ những gì?  + Để thực hiện yêu cầu của bài toán thì trước hết ta phải làm gì?  + Bây giờ chúng ta làm việc theo cặp hãy dùng thẻ đĩa, thìa, cốc để so sánh số thìa với với số cốc trong bài 1.  + Gọi HS báo cáo  - GV cho HS làm bài  - Gọi HS báo cáo kết quả bài 1.  - GV cùng HS khác nhận xét  - GV Y/C cả lớp đọc lại kết quả | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS quan sát  + Vẽ cốc, thìa và đĩa.  - So sánh thìa-cốc; thìa-đĩa; đĩa-cốc  + HS lấy và so sánh số thìa với với số cốc và kết luận.  + Số thìa nhiều hơn số cốc.  - HS làm việc  - Đại diện các cặp lên trình bày:  + Số thìa nhiều hơn số cốc  Hay số cốc ít hơn số thìa  + Số đĩa nhiều hơn số cốc  Hay số cốc ít hơn số đĩa  + Số thìa và số đĩa bằng nhau.  - HS nhận xét bạn  - HS (cá nhân-tổ) đọc |
| **Bài 2.Cây bên nào nhiều quả hơn**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Mời HS lên chia sẻ kết quả bài làm.  - GV và HS nhận xét  - GV cho HS nhắc lại kết quả bài làm | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - HS làm bài vào vở BT.  - Vài HS lên bảng chia sẻ kết quả và cách là. Chẳng hạn:  + Cây bên trái nhiều quả hơn. Cách làm là em dùng bút chì nối từng quả của 2 bên với nhau thấy cây bên trái thừa ra 1 quả. Nên cây bên trái nhiều quả hơn.  - HS nhận xét bạn.  - HS (cá nhân-tổ) nhắc lại kết quả |
| **Hoạt động 3: vận dụng** |  |
| **Bài 3.Xem tranh rồi kiểm tra câu nào đúng, câu nào sai.**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - Em cho biết bức tranh vẽ gì?  - GV đọc từng câu và Y/C HS giơ thẻ đúng/sai.  a) Số xô nhiều hơn số xẻng  b) Số xẻng ít hơn số người  c) Số người và số xô bằng nhau. | - 2-3 học sinh nhắc lại yêu cầu  - Tranh vẽ : 5 bạn nhỏ, 5 cái xẻng và 5 cái xô đựng nước.  - HS lắng nghe + Quan sát rồi giơ thẻ:  a) S  b) S  c) Đ |
| - GV Y/C HS giải thích lí do chọn đúng hoặc sai. | - HS giải thích cách làm. |
| - GV khuyến khích HS quan sát tranh và đặt câu hỏi liên quan đến bức tranh sử dụng các từ *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau*.  - Gọi HS lên chia sẻ.  - GV cùng HS nhận xét | - HS làm việc theo cặp.  - Đại diện các cặp lên chia sẻ  - HS khác nhận xét |
| 1. **Hoạt động nối tiếp ( 2 phút)** |  |
| - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì?  - Từ ngữ toán học nào em cần chú ý?  - Về nhà em cùng người thân tìm thêm các tình huống thực tế liên quan đến sử dụng các từ : *nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau*.  - Nhận xét tuyên dương |  |

Ngày soạn: 19/9/2020

Ngày dạy: 22/9/2020

**Môn: Đạo đức**

**Tiết : 3**

**BÀI 2. GỌN GÀNG, NGĂN NẮP (T1)**

1. **MỤC TIÊU**

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

* Nêu được một số biểu hiện của gọn gàng, ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt.
* Biết ý nghĩa của gọn gàng, ngăn nắp trong học tập, sinh hoạt.
* Thực hiện được hành vi gọn gàng, ngăn nắp nơi ở, nơi học.

1. **ĐỒ D****ỪNG DẠY HỌC**

SGK *Đạo đức 1.*

Tranh có hình đồ vật di chuyển được để thực hiện Hoạt động 2 của phần Luyện tập (nếu có điều kiện).

Một bộ quần, áo/1 HS cho phần Vận dụng trong' giờ học.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** | |
| 1. Khởi động (2 phút)  -GV giao nhiệm vụ cho HS: Quan sát hai tranh trong SGK *Đạo đức 1,* trang 7 và cho biết: Em thích căn phòng trong tranh nào hơn? Vì sao?  -GV chia sẻ: Thầy/cô thích căn phòng thứ hai vì rất gọn gàng, sạch sẽ.  -GV giới thiệu bài học mới | -HS chia sẻ cảm xúc và lí do thích hay không thích căn phòng | |
| 2.Các hoạt động chủ yếu (30 phút)  Khám phá  **Hoạt động 1: Kể chuyện theo tranh “Chuyện của bạn Minh”** | | |
| -GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi: Quan sát và mô tả việc làm của bạn Minh trong từng tranh. | -HS làm việc theo nhóm và kể chuyện theo tùng tranh.  -Đại diện 1-2 nhóm lên kể.  - Lắng nghe | |
| GV kể lại nội dung câu chuyện theo tranh: Buổi sáng, chuông đồng hồ reo vang báo đã đến giờ dậy chuẩn bị đi học. Minh vẫn cố nằm ngủ thêm lát nữa. Đến khi tỉnh giấc, Minh hốt hoảng vì thấy đã sắp muộn giờ học. Minh vội vàng lục tung tủ tìm quần áo đồng phục, nhưng phải rất lâu mới tìm ra được. Rồi cậu ngó xuống gầm giường để tìm cặp sách, bới tung các ngăn tủ để tim hộp bút. Cuối cùng, Minh cũng chuẩn bị đủ sách, vở, đồ dùng để đi học. Nhưng khi đến lớp, Minh đã bị muộn giờ. Các bạn đã ngồi trong lớp lắng nghe cô giảng bài.  **Hoạt động 2: Thảo luận** | | |
| ***Cách tiến hành:***  - GV giao nhiệm vụ HS trả lời những câu hỏi sau khi kể chuyện theo tranh “Chuyện của bạn Minh”.   1. Vì sao bạn Minh đi học muộn? 2. Sống gọn gàng, ngăn nắp có ích lợi gì?   -GV kết luận: sống gọn gàng, ngăn nắp giúp em tiết kiệm thời gian, nhanh chóng tìm được đồ dùng khi cần sử dụng, giữ gìn đồ dùng thêm bền đẹp. | -HS thảo luận theo nhóm.  -Một số nhóm HS trình bày kết quả thảo luận. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu biểu hiện sống gọn gàng, ngăn nắp** | | |
| ***Cách tiến hành:***  -GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi: Quan sát tranh SGK *Đạo đức 1,* trang 9 và trả lời câu hỏi sau:   1. Bạn trong tranh đang làm gì? 2. Việc làm đó thể hiện điều gì? 3. Em còn biết những biểu hiện sống gọn gàng, ngăn nắp nào khác?   - GV nêu các biểu hiện gọn gàng, ngăn nắp sau khi HS thảo luận từng tranh:  Tranh 1: Treo quần áo lên giá, lên mắc áo.  Tranh 2: xếp sách vào giá sách ở thư viện sau khi đọc.  Tranh 3: xếp giày dép vào chỗ quy định.  Tranh 4: xếp gọn đồ chơi vào chỗ quy định (tủ, hộp).  Tranh 5: Treo hoặc cất chổi vào chồ quy định.  Tranh 6: sắp xếp sách vở sau khi học trong góc học tập ở nhà.  -GV kết luận: Những biểu hiện sống gọn gàng, ngăn nắp trong học tập và sinh hoạt là đế đồ dùng vào đúng chồ sau khi dùng; xếp sách, đồ dùng học tập vào cặp sách, giá sách, góc học tập; quần áo sạch gấp và để vào tủ; quần áo bẩn cho vào chậu/túi đế giặt; quần áo đang dùng treo lên mắc áo; giày dép xếp vào chỗ quy định; mũ nón treo lên giá.  **3. Hoạt động nối tiếp (3 phút)**  - Nhắc nhở HS phải sống gọn gàng ngăn nắp khi ở trường cũng như ở nhà  - Xem lại bài học  - Nhận xét .Tuyên dương | | -HS làm việc theo nhóm đôi.  -Một số nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước Lớp.  - Lắng nghe và trao đổi ý kiến.  -HS lắng nghe |

Ngày soạn: 19/9/2020

Ngày dạy: 22/9/2020

**Môn: Tự nhiên và xã hội**

**Tiết : 5**

**BÀI 2. NGÔI NHÀ CỦA EM**

**I.MỤC TIÊU**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Nói được địa chỉ nhà ở của mình.

- Nêu được một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.

- Liệt kê được 1 số đồ dùng trong gia đình.

- Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được các câu hỏi tìm hiểu về 1 số đồ dùng trong gia đình.

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nhà ở và đồ dùng trong gia đình.

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Tham gia việc phù hợp để giữ nhà cửa ngăn nắp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các hình trong SGK

- Vở Bài tập TN&XH

- Video/nhạc bài hát về ngôi nhà

- Giấy, bút màu

- Tranh ảnh đồ dùng trong gia đình

- Phiếu tự đánh giá

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 2**  **Đồ dùng trong nhà** | |
| 1. **Khởi động (2 phút)**   Hát tập thể   1. **Các hoạt động chủ yếu (30 phút)**   **Hoạt động khám phá**  ***Hoạt động 3. Tìm hiểu đồ dùng trong nhà.*** |  |
| *Bước 1. Làm việc theo nhóm 4.*  - GV trình chiếu lên bảng các hình ở trang 14-17 SGK.   |  |  | | --- | --- | |  |  | | - HS quan sát. |
| - Y/C các nhóm quan sát và trả lời các câu hỏi gợi ý:  + Các hình thể hiện những phòng nào trong nhà ở?  + Kể tên một số đồ dùng có trong mỗi hình. Chúng được dùng để làm gì? | - Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.  + Phòng khách, phòng ngủ, nhà bếp,...  + HS kể : Bàn ghế, tủ, ti vi, tranh,... |
| *Bước 2. Làm việc cả lớp* |  |
| - GV cho đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận.  - GV cùng HS theo dõi, bổ sung | - Lần lượt đại diện các nhóm lên chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| **2. Hoạt động luyện tập và vận dụng** |  |
| ***Hoạt động 4. Tìm hiểu đồ dùng trong nhà em.*** |  |
| *Bước 1. Làm việc cá nhân*  - GV hướng dẫn cách làm việc và đưa ra các câu hỏi gợi ý.  + Nhà em có mấy phòng?  + Trong từng phòng có những đồ dùng gì? | - HS làm câu 3 của Bài 2 trong VBT của mình. |
| *Bước 2. Làm việc cả lớp* |  |
| - GV mời một vài bạn lên chia sẻ trước lớp.  - GV cùng HS khác nhận xét phần trình bày của các bạn. | - Lần lượt HS lên giới thiệu trước lớp về các phòng và đồ dùng trong các phòng của gia đình mình.  - HS tham gia đánh giá bạn. |
| ***Hoạt động 5. Trò chơi : Đồ dùng gì?*** |  |
| *Bước 1. Hướng dẫn cách chơi.*  - GV hướng dẫn cách chơi:  + Một HS lên bảng, GV dán 1 tranh vẽ đồ dùng sau lưng HS và HS đứng quay lưng xuống lớp để các vạn nhìn thấy tranh.  + HS đó đặt tối đa ba câu hỏi về đồ dùng trong tranh cho các bạn ở dưới lớp để đoán được đồ dùng đó.  + Dựa vào các câu trả lời của các bạn để đoán đồ dùng vẽ tranh là đồ dùng gì? | - HS lắng nghe cách chơi |
| *Bước 2. Tổ chức chơi trò chơi.* |  |
| - GV gọi 1 số HS lên chơi  - Yêu cầu HS dưới lớp lắng nghe và trả lời chính xác các câu hỏi. | - HS lên chơi, mỗi em đoán 1 đồ dùng khác nhau.  - HS tham gia nhiệt tình. |
| *Bước 3. Nhận xét, đánh giá*  - GV nhận xét tuyên dương, khen thưởng sau mỗi lần chơi.  - GV nhận xét về cách đặt câu hỏi của HS. | - Lắng nghe |
| **3 .Hoạt động nối tiếp (3 phút)**  - Nhắc nhở HS xem lại bài  - Nhận xét. Tuyên dương | |

Ngày soạn: 21/9/2020

Ngày dạy: 24/9/2020

**Môn: Tự nhiên và xã hội**

**Tiết : 6**

**BÀI 2. NGÔI NHÀ CỦA EM**

**I.MỤC TIÊU**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Nói được địa chỉ nhà ở của mình.

- Nêu được một số đặc điểm về nhà ở và quang cảnh xung quanh nhà ở.

- Liệt kê được 1 số đồ dùng trong gia đình.

- Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được các câu hỏi tìm hiểu về 1 số đồ dùng trong gia đình.

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nhà ở và đồ dùng trong gia đình.

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Tham gia việc phù hợp để giữ nhà cửa ngăn nắp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Các hình trong SGK

- Vở Bài tập TN&XH

- Video/nhạc bài hát về ngôi nhà

- Giấy, bút màu

- Tranh ảnh đồ dùng trong gia đình

- Phiếu tự đánh giá

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 3**  **Giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp** | |
| 1. **Khởi động (2 phút)**   Hát tập thể   1. **Các hoạt động chủ yếu (30 phút)**   **Hoạt động khám phá kiến thức mới.** |  |
| ***Hoạt động 6. Tìm hiểu tình huống về phòng của bạn Hà*** |  |
| *Bước 1. Làm việc theo cặp.* |  |
| - GV trình chiếu tranh ở trang 18-19 SGK   |  |  | | --- | --- | |  |  | | - HS quan sát |
| - GV HD HS quan sát hình ở trang 18, 19 thảo luận để trả lời các câu hỏi gợi ý. | - HS theo dõi, thảo luận, thống nhất ý kiến trả lời các câu hỏi: |
| + Em có nhận xét gì về phòng của bạn Hà ở hình 1 và hình 2.  + Nêu những việc bạn Hà và anh bạn Hà đã làm để căn phòng gọn gàng, ngăn nắp. | + Hình 1: nhà cửa bề bộn, đồ dùng không được ngăn nắp.  + Thu xếp các đồ chơi, chăn gối; sắp xếp sách vở, giấu bút; đặt đồ chơi trên tủ, lau bàn, tủ,... |
| + Vì sao em cần phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp?  - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm nếu cần thiết. | + Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp làm cho căn phòng thoáng mát, sạch sẽ và thuận lợi cho việc tìm kiếm sách vở, đồ dùng học tập,... |
| *Bước 2. Làm việc cả lớp* |  |
| - GV mời 1 số cặp lên chia sẻ trước lớp | - Đại diện 1 số cặp lên trình bày trước lớp |
| - GV mời HS các nhóm bạn nhận xét  - GV nhận xét | - Các nhóm đánh giá bạn |
| **2. Hoạt động luyện tập và vận dụng** |  |
| ***Hoạt động 7. Tìm hiểu việc làm để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.*** |  |
| *Bước 1. Làm việc theo nhóm 4*  - GV hướng dẫn HS thảo luận để liệt kê ra những việc làm để giữ nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp.  - GV đi quan sát, hỗ trợ các nhóm | - HS thảo luận, chia sẻ các công việc làm để giữ nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp.  + Quét nhà  + Gấp quần áo  + Dọn đồ chơi  + Lau bàn, ghế  ....... |
| *Bước 2. Làm việc cả lớp* |  |
| - GV mời 1 số nhóm lên chia sẻ trước lớp | - Đại diện 1 số nhóm lên trình bày trước lớp |
| - GV mời HS các nhóm bạn nhận xét  - GV nhận xét và đưa ra thôi thông điệp: Chúng ta hãy nhớ giữ nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp. | - Các nhóm đánh giá bạn |
| **3. Hoạt động nối tiếp. ( 3 phút)**  - Về nhà cùng người thân làm công việc nhà. - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 21/9/2020

Ngày dạy: 24/9/2020

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Tiết : 8**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**MỘT NGÀY Ở TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Nêu được một số hoạt động học tập và vui chơi cùng bạn khi ở trường, sự cần

thiết phải có bạn khi học tập và vui chơi.

- Bước đầu hình thành được một số thói quen tự phục vụ bản thân khi ở trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Tranh ảnh về hoạt động học tập và vui chơi của HS trong trường học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài: |  |
| Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu và làm quen với quang cảnh và các hoạt động của một ngày ở trường. | - Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1.Trò chơi kết bạn** |  |
| \* Mục tiêu: HS nêu được một số hoạt động vui chơi cùng bạn khi ở trường; sự cần thiết phải có bạn khi học tập và vui chơi.  \* Cách tiến hành:  *1) Thực hiện trò chơi theo nhóm:*  - HS chia thành các nhóm 6 đến 10 người.  - GV phổ biến luật chơi:  + HS các nhóm đứng theo vòng tròn, một bạn làm quản trò đứng ở giữa vòng tròn.  + Khi quản trò hô: “Kết bạn, kết bạn”, các học sinh xung quanh sẽ đáp “Kết mấy? Kết mấy?”. Lúc đó, quan trò sẽ nêu số lượng tùy thích, ví dụ : “Kết đôi, kết đôi”, “Kết ba, kết ba”. Ngay lập tức sau khi quản trò hô, các bạn HS trong nhóm sẽ chạy lại với nhau để thành các nhóm như quản trò yêu cầu. Bạn nào không có nhóm sẽ là người thua cuộc.  - Gv cho HS chơi trò chơi.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS | - HS chia nhóm theo bàn.  - Lắng nghe.  - HS chơi theo nhóm. |
| *2) Làm việc cả lớp:*  - HS trả lời câu hỏi để nêu được cảm nhận sau khi tham gia trò chơi này:  + Em có vui khi tham gia trò chơi này không?  + Em có bị thua cuộc lần nào không. Khi các bạn đều có nhóm kết bạn mà em không có thì em có cảm xúc như thế nào?  + Khi các bạn ở trường, em và bạn có thể cùng nhau làm những việc gì?  - GV nhận xét và rút ra kết luận. | - HS trả lời những cảm nhận của mình sau khi chơi.  + HS trả lời.  + HS nói về cảm xúc của mình.  + HS kể những việc mình đã làm cùng bạn.  - Lắng nghe. |
| \*GV kết luận:  Khi ở trường, em và bạn cùng nhau tham gia nhiều hoạt động khác nhau như: cùng nhau thảo luận nhóm để học tập trong các tiết học, giúp đỡ nhau khi gặp bài khó, cùng nhau tham gia các trò chơi trong các giờ nghỉ giữa giờ. Có bạn, chúng em học tốt hơn; có bạn, chúng em sẽ vui hơn. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** |  |
| **- Hoạt động 2: Tìm hiểu một ngày ở trường của em.** | |
|  | |
| \* Cách tiến hành :  1) Làm việc cả lớp:  Cho HS quan sát các tranh trong SGK và trả lời một số câu hỏi:  + Các bạn trong tranh đang tham gia những hoạt động nào? Hoạt động đó mang lại ích lợi gì? | - Làm việc cả lớp  + HS trình bày những cảm nhận của cá nhân các em với bạn trong nhóm.  - Đại diện các nhóm lần lượt lên chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn |
| 2) Làm việc theo nhóm  - HS ngồi các nhóm 2 hoặc 4 người.  - Cho các nhóm thảo luận theo các câu hỏi:  +Ở trường, em và các bạn được tham gia những hoạt động nào?  + Em đã tự làm được những việc gì khi ở trường?  + Việc làm đó của em mang lại ích lợi gì?  - Cho HS đại diện các nhóm lên bày tỏ ý kiến, GV nhận xét và rút ra kết luận. | - Làm việc theo nhóm  - Thảo luận, thống nhất ý kiến.  + HS đưa ra các hoạt động: tập đọc, làm toán, vui chơi,…  + HS nêu những việc đã làm  + HS nêu.  - Các nhóm lên chia sẻ. |
| \* Kết luận:  Khi ở trường, các em nên tự thực hiện những việc như: sắp xếp, dọn đồ ăn trước và sau khi ăn, gấp và cất chăn gối sau khi ngủ trưa; vứt, nhặt rác để giúp sân trường sạch sẽ hơn;cất và xếp ghế sau khi chào cờ và hoạt động tập thể; uống nước và vệ sinh cá nhân; chăm sóc hoa, cây cối ở vườn trường | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về cảnh quan và cảm nhận của mình về an toàn trường học. | - Lắng nghe |

Ngày soạn: 22/9/2020

Ngày dạy: 25/9/2020

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Tiết : 9**

**SINH HOẠT LỚP**

**CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN AN TOÀN GIAO THÔNG**

**Ở CỔNG TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU:**

*HS tự liên* hệ và đánh giá về những việc bản thân và các bạn trong lớp đã làm được để tham gia xây dựng “Công trường an toàn giao thông”.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 1**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 2***  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. An toàn giao thông ở cổng trường.***  \* GV tổ chức cho HS tham gia một số hoạt động như:  - Chơi các trò chơi: thi nhận biết nhanh về các biển báo giao thông đường bộ.  - Thi đóng vai tham gia giao thông, đóng vai xử lý các tình huống khi tham gia giao thông đường bộ.  - Y/C HS thảo luận và chia sẻ cặp đôi và cả lớp về: những việc mà bản thân đã chứng kiến, quan sát được về tình huống không an toàn khi tham gia giao thông; những việc mà bản thân đã thực hiện khi tham gia phong trào “Cổng trường an toàn giao thông”; những lời khuyên tới các bạn trong lớp để tham gia giao thông an toàn*.*  - Múa hát theo chủ đề “An toàn giao thông”.)  **3. Hoạt động nối tiếp (2 phút)**  Hát tập thể  Nhắc nhở HS chuẩn bị cho tuần mới | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS chơi trò chơi  - HS chia nhóm, đóng vai xử lí một số tình huống giao thông.  - HS làm việc cặp đôi  - Các nhóm thực hiện. |